

Bản án số: **271/2020/HS-PT**

Ngày 25 - 9 - 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Trương Công Thi

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Ba, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 232/2020/TLPT-HS ngày 1 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo **Hoàng Thị H** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của đại diện hợp pháp người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Hoàng Thị H: sinh ngày 04 tháng 11 năm 1976 tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: số 06 đường V, phường V1, thành phố N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: 80 đường N1, phường T, quận H1, Đà Nẵng; Trình độ học vấn; 12/12; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn Th (1940) và bà Bùi Thị Nh (1941); Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Chồng: Trương Vũ N2 (1976) đã ly hôn, bị cáo có 03 con (lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2010).

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/12/2019. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị H:**

Ông Bùi Xuân N3 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, bào chữa theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

** Đại diện hợp pháp của Người bị hại có kháng cáo: Bà Trần Thị Phương D, sinh năm 1966 (đã chết); Đại diện hợp pháp của bà D là ông Nguyễn Xuân Ch (là chồng bà D), sinh năm 1964; Trú tại: 61 Đường T1, phường K, quận C1, thành phố Đà Nẵng; Ông Ch uỷ quyền cho bà Hoàng Thiên V, sinh năm 1986 (con gái bà D); Trú tại: 61 Đường T1, phường K, quận C1, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng. Bà Hoàng Thiên V kháng cáo. Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 10/6/2019 Hoàng Thị H, thông qua một người bạn tên My (không rõ lai lịch) đã nhờ một người đàn ông tên Hiến, làm ở một tiệm photocopy trên đường N4, quận S (không rõ lai lịch) làm giả một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số co 001992, thửa đất số 127, tờ bản đồ số 04, địa chỉ lô 77, khu B2-72, khu đô thị ven sông H2, ĐN, phường H2, quận N5, thành phố Đà Nẵng với diện tích 110m². Sau khi có được GCNQSDĐ giả nêu trên, ngày 29/6/2019 H đem đến cơ sở dịch vụ cầm đồ tại số 61 Đường T1, thành phố Đà Nẵng của chị Trần Thị Phương D (sinh năm 1966, trú tại 61 Đường T1, phường K, quận C1, thành phố Đà Nẵng) để thế chấp vay mượn tiền, chị D tưởng đây là giấy CNQSDĐ thật, nên cho H vay số tiền 10.000 USD và 450.000.000đ. Sau đó từ ngày 01/7/2019 đến ngày 09/7/2019 H tiếp tục 03 lần vay thêm của chị D với số tiền 1.170.000.000đ. Tất cả các lần vay mượn trên H đều viết giấy vay mượn tiền (trong các giấy mượn tiền đều có ghi số tiền vay, tài sản thế chấp và ghi đã thanh toán lãi đến hết ngày 12/7/2019) và cam kết đến ngày 12/7/2019 sẽ thanh toán đủ số tiền đã vay của chị D. Tuy nhiên, đến ngày 13/7/2019 H vẫn chưa trả cho chị D theo cam kết và chị D cũng không liên lạc được với H, nên chị D đem GCNQSDĐ trên đến Văn phòng Công chứng PN để làm thủ tục chuyển nhượng theo thỏa thuận thì được thông báo giấy này là giả.

Số tiền chiếm đoạt được của chị D, H khai đã sử dụng hết vào việc đánh bạc tại Casino F, thuộc phường M, quận N5, TP Đà Nẵng và H đã trả được cho chị D số tiền 50.000.000đ tiền gốc và trả 360.000.000đ tiền lãi. Tuy nhiên, hiện nay bà Trần Thị Phương D đã bị bệnh chết nên không thể đối chất.

Tại bản Kết luận giám định số: 85/GĐ-TL ngày 17/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 001992, thửa đất số 127, tờ bản đồ số 04, địa chỉ lô 77, khu B2-72, khu đô thị ven sông H2, ĐN, phường H2, quận N5, thành phố Đà Nẵng với diện tích 110m² là giả.

Tại Bảng tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 26/9/2019 của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ là 23.155VND/1USD. Do đó, số tiền 10.000USD x 23.155VND = 231.550.000đồng.

Về tang vật vụ án tạm giữ:

1. 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 001992, thửa đất số 127, tờ bản đồ số 04, địa chỉ lô 77, khu B2-72, khu đô thị ven sông H2, ĐN, phường H2, quận N5, thành phố Đà Nẵng với diện tích 110m²;

2. 04 (bốn) Giấy mượn tiền có thế chấp tài sản gắn liền vào các ngày 29/6/2019, 01/7/2019, 08/7/2019, 09/7/2019 đều ghi tên Hoàng Thị H.

Các vật chứng nêu trên, trong quá trình giải quyết đã được thống kê lưu vào hồ sơ vụ án nên không đề cập giải quyết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 25/5/2020 Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị H phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 55 BLHS.

Xử phạt: Hoàng Thị H 10 (Mười) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là 12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/12/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/6/2020, bị cáo Hoàng Thị H có kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt.

Ngày 08/6/2020 đại diện hợp pháp của bị hại: bà Hoàng Thiên V kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chồng ly hôn, hiện nuôi con nhỏ, gia đình khó khăn, từ đó đề nghị giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Về kháng cáo của đại diện hợp pháp bị hại về khoản tiền là không có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư, quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Hoàng Thị H thừa nhận hành vi và tội danh như Toà án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo, giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử tăng hình phạt đối với bị cáo và xem xét lại khoản tiền 360.000.000 đồng cho phía bị hại.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Hoàng Thị H đã nhờ 01 người đàn ông tên Hiền (không rõ nhân thân, lai lịch) làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 001992 mang tên Hoàng Thị H. Sau đó trong khoảng thời gian từ ngày 29/6/2019 đến ngày 09/7/2019, Hoàng Thị H đã đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này thế chấp cho bà Trần Thị Phương D để vay số tiền 10.000 USD (tương đương 231.550.000đ) và 1.620.000.000 đ (Nhưng thực tế H chỉ nhận tổng cộng 1.491.550.000đ vì bà D đã trích trừ tiền lãi trước khi giao tiền tổng cộng 360.000.000đ). Tổng giá trị tài sản bị cáo H đã chiếm đoạt của bà D là 1.491.550.000đ.

Với hành vi phạm tội đó của bị cáo Hoàng Thị H nên Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Hoàng Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, do cần tiền tiêu xài cho nhu cầu của bản thân mà bị cáo đã sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính, đồng thời trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Ngoài tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000đ trở lên”, điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”, bị cáo còn phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “Phạm tội từ 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Khi xét xử sơ thẩm, Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, như: đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, gia đình bị cáo có công với Cách mạng, cha mẹ bị cáo được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến; bị cáo đã tác động gia đình nộp một số tiền để khắc phục một phần hậu quả. Đó là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51. Từ đó Toà án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và tuyên mức án đối với bị cáo là tương xứng với hành vi, tính chất và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên kháng cáo của bị cáo không được xem xét chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, thấy rằng: Về trách nhiệm hình sự như đã phân tích trên, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào tính chất hành vi, hậu quả của vụ án, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để tuyên phạt bị cáo 10 năm tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 năm 6 tháng tù về tội “ Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là phù hợp với quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, thấy: Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của người bị hại bà Hoàng Thiên V yêu cầu buộc bị cáo Hoàng Thị H phải bồi thường tổng số tiền 1.851.550.000đ. Nhưng chỉ có cơ sở xác định bị cáo chiếm đoạt của bà Trần Thị Phương D số tiền 1.491.550.000đ. Tuy cáo trạng của Viện kiểm sát xác định bị cáo chiếm đoạt của bà D số tiền 1.851.550.000 đồng là chưa chính xác, vì căn cứ lời khai của bị cáo, giấy vay tiền thể hiện bị cáo đã thanh toán lãi cho bà D đến ngày 12/7/2019, tổng cộng 360.000.000 đồng. Số tiền này bà D đã trích trừ trước mỗi khi giao tiền cho bị cáo nên có cơ sở xác định số tiền bị cáo thực nhận và chiếm đoạt của bà D là 1.491. 550.000 đồng. Do vậy, Tại phiên tòa sơ thẩm kiểm sát viên đã điều chỉnh, xác định lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bà D là 1.491.550.000 đồng. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của người bị hại là 1.491.550.000 đồng. Gia đình bị cáo đã nộp được 30.000.000 đồng, còn lại 1.461.550.000 đồng, bị cáo phải tiếp tục nộp để bồi thường là đúng.

Từ những vấn đề phân tích và lập luận nêu trên, thấy rằng bản án sơ thẩm đã xét xử có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/NQ-UBTVQHK14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị (về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị H và kháng cáo của bà Hoàng Thiên V là đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị H 10 (mười) năm tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ

chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là **12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/12/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên buộc bị cáo Hoàng Thị H phải bồi thường cho gia đình người bị hại Trần Thị Phương D số tiền 1.491.550.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm chín mươi một triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng). Gia đình bị cáo đã bồi thường 30.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, còn lại bị cáo phải tiếp tục bồi thường 1.461.550.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm sáu mươi một triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Hoàng Thị H không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu thêm khoản lãi suất với số tiền chậm trả tương ứng với thời hạn chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí phúc thẩm hình sự: Bị cáo Hoàng Thị H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí phúc thẩm hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Công an TP Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự TP Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CATP Đà Nẵng;
- Bị cáo (qua trại giam);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu văn thư;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Cường